

THÔNG BÁO

Về việc nộp học phí học kỳ I năm học 2019-2020 đối với học viên Sau đại học

Kính gửi:

- Viện Đào tạo Sau đại học
- Học viên Sau đại học toàn Trường

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐHHHVN ngày 10/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ Quyết định số 806/QĐ-ĐHHHVN ngày 10/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc quy định mức học phí năm học 2019-2021;

Nhà trường yêu cầu các học viên Sau đại học khẩn trương nộp học phí, kinh phí đào tạo kỳ I năm học 2019-2020 về Trường trước ngày 09/08/2019 (chi tiết theo danh sách học viên đính kèm).

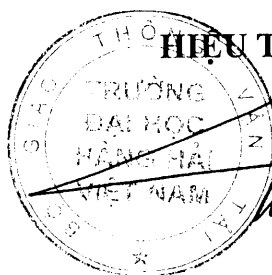
Học viên có thể chuyển khoản về Trường Đại học Hàng hải Việt Nam theo số tài khoản: 3714.0.1055675 mở tại: Kho bạc Nhà nước Hải Phòng hoặc nộp tiền trực tiếp tại phòng số 109 tầng 1 nhà A1, số 484 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng (buổi sáng từ 7h30 đến 11h30, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

Sau ngày 09/08/2019, Phòng Kế hoạch – Tài chính thống kê danh sách học viên chưa nộp học phí gửi Viện Đào tạo Sau đại học để xử lý theo quy định hiện hành.

Ban Giám hiệu đề nghị Viện Đào tạo Sau đại học thông báo tới các học viên; đôn đốc, nhắc nhở học viên hoàn thành nộp học phí, kinh phí; yêu cầu các học viên nghiêm túc thực hiện thông báo này.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Như trên;
- Lưu VT, Phòng KH-TC.



HIỆU TRƯỞNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Lê Quốc Tiến*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

DANH SÁCH HỌC VIÊN NGHIÊN CỨU SINH PHẢI NỘP HỌC PHÍ HỌC KÌ I NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo công văn số: 656 ngày 31 tháng 5 năm 2019)

STT	MHV	Họ và Tên	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
Khóa 2015-2					
1	680021	Mai Xuân Hương	KHHH-2015-2-NCS	12.000.000	
2	680020	Nguyễn Xuân Long	KHHH-2015-2-NCS	12.000.000	
3	680023	Lê Đình Dũng	KTBTĐT-2015-2-NCS	12.000.000	
4	680024	Lại Huy Thiện	KTCKDL-2015-2-NCS	12.000.000	
5	680025	Nguyễn Văn Võ	KTTT-2015-2-NCS	12.000.000	
6	680027	Đỗ Thanh Tùng	TCQLVT-2015-2-NCS	12.000.000	
7	680029	Nguyễn Văn Đoài	TĐH-2015-2-NCS	12.000.000	
Khóa 2016-1					
9	680031	Đặng Hoàng Anh	KHHH-2016-1-NCS	12.000.000	
10	680032	Nguyễn Đức Học	KHHH-2016-1-NCS	12.000.000	
11	680033	Nguyễn Bình Khương	KHHH-2016-1-NCS	12.000.000	
12	680034	Nguyễn Quang Thành	TCQLVT-2016-1-NCS	12.000.000	
13	680035	Vũ Văn Quang	TĐH-2016-1-NCS	12.000.000	
Khóa 2016-2					
14	680036	Nguyễn Quang Đạt	KHHH-2016-2-NCS	12.000.000	
15	680037	Lê Ngọc Lân	TCQLVT-2016-2-NCS	12.000.000	
Khóa 2017-1					
16	680039	Nguyễn Thanh Vân	KHHH-2017-1-NCS	12.000.000	
17	680038	Đặng Quang Việt	KHHH-2017-1-NCS	12.000.000	
18	680042	Nguyễn Diệp Dũng	KTĐK&TĐH-2017-1-NCS	12.000.000	
19	680040	Hoàng Thị Hồng Lan	TCQLVT-2017-1-NCS	12.000.000	
20	680041	Trần Văn Ngọc	TCQLVT-2017-1-NCS	12.000.000	
Khóa 2017-2					
21	680043	Cao Đức Hạnh	KHĐTTĐH-2017-2-NCS	12.000.000	
Khóa 2018-1					
22	680046	Vương Thu Giang	TCQLVT-2018-1-NCS	12.000.000	
Tổng cộng				252.000.000	

Hải phòng, ngày tháng năm 2019

Người lập

Thạm Huyền Châm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC PHẢI NỘP HỌC PHÍ HỌC KÌ I NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo công văn số: *656* ngày *31* tháng *5* năm 2019)

Khóa 2017-2

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
1	537587	Trần Đình Huy	17.03.1990	CNTT-2017-2	7.000.000	
2	537588	Vũ Kim Khải	05.02.1987	CNTT-2017-2	7.000.000	
3	537589	Phạm Hồng Vân	15.10.1986	CNTT-2017-2	7.000.000	
4	537576	Ngô Quang Linh	23.10.1986	KTBT-2017-2	7.000.000	
5	537577	Nguyễn Hải Triều	15.10.1974	KTBT-2017-2	7.000.000	
6	537579	Vũ Quang Vinh	11.06.1982	KTĐT-2017-2	7.000.000	
7	537580	Nguyễn Hữu Chính	10.08.1984	KTTT-2017-2	7.000.000	
8	537590	Lương Trung Tâm	23.06.1986	M&TBTT-2017-2	7.000.000	
9	537581	Nguyễn Anh Tuấn	18.10.1993	QLHH-2017-2	7.000.000	
10	537595	Bùi Thị Lan Anh	20.11.1972	QLKT-2017-2	7.000.000	
11	537596	Bùi Thị Ngọc Anh	29.05.1984	QLKT-2017-2	7.000.000	
12	537597	Lương Thị Hà Anh	19.12.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
13	537598	Nguyễn Thùy Anh	08.09.1991	QLKT-2017-2	7.000.000	
14	537599	Nhữ Việt Anh	21.08.1983	QLKT-2017-2	7.000.000	
15	537600	Phạm Thế Anh	17.07.1994	QLKT-2017-2	7.000.000	
16	537601	Phạm Tuấn Anh	13.12.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
17	537602	Trần Tuấn Anh	12.01.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
18	537603	Trương Thị Tuấn Anh	14.03.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
19	537604	Vũ Thị Ngọc Anh	12.04.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
20	537605	Vũ Văn Anh	30.07.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
21	537606	Vũ Văn Anh	06.10.1971	QLKT-2017-2	7.000.000	
22	537607	Nguyễn Thanh Ba	28.07.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
23	537608	Đào Thị Thanh Bình	13.02.1973	QLKT-2017-2	7.000.000	
24	537609	Phạm Thanh Bình	05.11.1971	QLKT-2017-2	7.000.000	
25	537610	Lê Xuân Chung	12.02.1987	QLKT-2017-2	7.000.000	
26	537611	Bùi Mạnh Cường	13.08.1982	QLKT-2017-2	7.000.000	
27	537612	Nguyễn Hải Cường	05.10.1994	QLKT-2017-2	7.000.000	
28	537614	Vũ Hoàng Diệu	18.09.1985	QLKT-2017-2	7.000.000	
29	537615	Bùi Thị Kim Dung	30.04.1987	QLKT-2017-2	7.000.000	
30	537616	Ngô Thùy Dung	07.11.1994	QLKT-2017-2	7.000.000	
31	537617	Phạm Ngọc Phương Dung	07.07.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
32	537618	Trần Phương Dung	22.10.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
33	537619	Nguyễn Việt Dũng	17.08.1987	QLKT-2017-2	7.000.000	
34	537620	Trần Anh Dũng	27.02.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
35	537621	Đặng Văn Duy	07.01.1972	QLKT-2017-2	7.000.000	
36	537622	Phạm Ngọc Duy	07.05.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
37	537623	Đoàn Thị Phúc Duyên	05.06.1981	QLKT-2017-2	7.000.000	
38	537624	Trần Thị Thúy Đào	13.08.1980	QLKT-2017-2	7.000.000	
39	537625	Lê Tiến Đạt	19.08.1991	QLKT-2017-2	7.000.000	

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
40	537626	Nguyễn Đình Định	27.07.1987	QLKT-2017-2	7.000.000	
41	537627	Hoàng Đức	26.09.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
42	537628	Nguyễn Minh Đức	09.12.1987	QLKT-2017-2	7.000.000	
43	537630	Trần Đình Anh Đức	14.10.1994	QLKT-2017-2	7.000.000	
44	537631	Trần Trung Đức	01.03.1991	QLKT-2017-2	7.000.000	
45	537632	Phạm Thị Ngọc Gấm	08.11.1980	QLKT-2017-2	7.000.000	
46	537633	Đậu Thị Giang	28.08.1987	QLKT-2017-2	7.000.000	
47	537634	Đỗ Thị Giang	23.12.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
48	537635	Nguyễn Thị Thu Giang	11.10.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
49	537636	Nguyễn Xuân Giang	12.12.1980	QLKT-2017-2	7.000.000	
50	537637	Dương Mạnh Hà	29.10.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
51	537638	Lê Thị Thúy Hà	04.08.1987	QLKT-2017-2	7.000.000	
52	537639	Ngô Thu Hà	07.07.1979	QLKT-2017-2	7.000.000	
53	537640	Phạm Thái Hà	02.07.1982	QLKT-2017-2	7.000.000	
54	537641	Phạm Trường Hà	21.09.1979	QLKT-2017-2	7.000.000	
55	537642	Lê Hồng Hải	29.02.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
56	537643	Lê Quang Hải	25.05.1985	QLKT-2017-2	7.000.000	
57	537644	Nguyễn Xuân Hải	18.10.1975	QLKT-2017-2	7.000.000	
58	537645	Phạm Hồng Hải	13.03.1978	QLKT-2017-2	7.000.000	
59	537646	Đồng Thị Thu Hằng	16.04.1985	QLKT-2017-2	7.000.000	
60	537647	Dương Thị Thúy Hằng	02.05.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
61	537648	Tô Thúy Hằng	13.11.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
62	537650	Nguyễn Thị Đức Hạnh	24.03.1980	QLKT-2017-2	7.000.000	
63	537651	Quách Trung Hậu	09.05.1982	QLKT-2017-2	7.000.000	
64	537652	Lê Trần Hiền	29.04.1986	QLKT-2017-2	7.000.000	
65	537653	Bùi Duy Hiệp	10.05.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
66	537654	Cao Minh Hiệp	23.10.1991	QLKT-2017-2	7.000.000	
67	537655	Phạm Minh Hiếu	22.08.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
68	537656	Vũ Trọng Hiếu	29.05.1994	QLKT-2017-2	7.000.000	
69	537657	Vũ Văn Hiệu	31.05.1980	QLKT-2017-2	7.000.000	
70	537658	Phạm Quang Hòa	15.12.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
71	537660	Lê Huy Hoàng	09.07.1988	QLKT-2017-2	7.000.000	
72	537661	Ngô Xuân Hoàng	07.09.1979	QLKT-2017-2	7.000.000	
73	537663	Nguyễn Minh Hoàng	19.12.1987	QLKT-2017-2	7.000.000	
74	537662	Nguyễn Minh Hoàng	01.08.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
75	537664	Trần Huy Hoàng	29.08.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
76	537665	Nguyễn Thị Bích Huế	24.04.1988	QLKT-2017-2	7.000.000	
77	537666	Trần Việt Hùng	21.06.1981	QLKT-2017-2	7.000.000	
78	537667	Đinh Quang Hưng	02.01.1983	QLKT-2017-2	7.000.000	
79	537668	Đỗ Văn Hưng	20.10.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
80	537669	Nguyễn Việt Hưng	23.11.1991	QLKT-2017-2	7.000.000	
81	537670	Vũ Quang Hưng	21.05.1979	QLKT-2017-2	7.000.000	
82	537671	Lương Thị Ngọc Hương	13.09.1994	QLKT-2017-2	7.000.000	
83	537672	Tô Thị Thu Hương	13.09.1984	QLKT-2017-2	7.000.000	

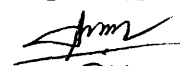
STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
84	537673	Trần Ngọc Thu Hương	27.04.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
85	537674	Ôn Thị Hương	05.06.1981	QLKT-2017-2	7.000.000	
86	537675	Nguyễn Quang Huy	26.04.1975	QLKT-2017-2	7.000.000	
87	537676	Nguyễn Thị Thúy Huyền	28.02.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
88	537677	Phạm Thị Thu Huyền	11.08.1983	QLKT-2017-2	7.000.000	
89	537679	Vũ Văn Khánh	17.09.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
90	537680	Phạm Minh Khuê	17.05.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
91	537681	Nguyễn Trung Kiên	10.04.1991	QLKT-2017-2	7.000.000	
92	537682	Trần Trung Kiên	04.01.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
93	537683	Nguyễn Thị Thúy Lan	06.04.1980	QLKT-2017-2	7.000.000	
94	537684	Vũ Mai Lan	29.01.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
95	537685	Đào Hương Liên	05.04.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
96	537686	Lê Thị Bích Liên	27.02.1985	QLKT-2017-2	7.000.000	
97	537687	Phạm Hồng Liên	09.05.1984	QLKT-2017-2	7.000.000	
98	537688	Cao Ngọc Linh	08.03.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
99	537689	Đặng Diệu Linh	31.08.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
100	537690	Dương Thùy Linh	01.12.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
101	537692	Nguyễn Diệu Linh	05.12.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
102	537693	Phạm Khánh Linh	19.09.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
103	537694	Nguyễn Thị Loan	07.11.1976	QLKT-2017-2	7.000.000	
104	537695	Nguyễn Tiến Lộc	01.12.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
105	537697	Hoàng Tiến Long	27.03.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
106	537698	Nguyễn Thị Lương	28.06.1983	QLKT-2017-2	7.000.000	
107	537699	Bùi Thế Mạnh	08.09.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
108	537700	Phạm Vĩnh Mạnh	21.04.1979	QLKT-2017-2	7.000.000	
109	537701	Chu Đức Minh	07.02.1991	QLKT-2017-2	7.000.000	
110	537702	Đồng Khánh Minh	08.09.1988	QLKT-2017-2	7.000.000	
111	537703	Nguyễn Thị Hồng Minh	09.02.1986	QLKT-2017-2	7.000.000	
112	537704	Nguyễn Văn Minh	06.04.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
113	537705	Nguyễn Việt Minh	18.12.1995	QLKT-2017-2	7.000.000	
114	537706	Phạm Hoàng Minh	13.06.1994	QLKT-2017-2	7.000.000	
115	537707	Phạm Tuấn Minh	24.08.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
116	537708	Cao Văn Nam	25.06.1987	QLKT-2017-2	7.000.000	
117	537709	Hoàng Ngọc Nam	06.11.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
118	537710	Nguyễn Đình Nam	04.03.1988	QLKT-2017-2	7.000.000	
119	537712	Nguyễn Thị Nga	21.01.1976	QLKT-2017-2	7.000.000	
120	537713	Phạm Thị Ngân	04.08.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
121	537714	Nguyễn Bích Ngọc	21.09.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
122	537715	Trần Bích Ngọc	15.08.1980	QLKT-2017-2	7.000.000	
123	537716	Đỗ Thị Hạnh Nguyên	01.09.1984	QLKT-2017-2	7.000.000	
124	537717	Hoàng Minh Nguyệt	01.04.1983	QLKT-2017-2	7.000.000	
125	537718	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	09.06.1984	QLKT-2017-2	7.000.000	
126	537719	Bùi Thị Thanh Nhã	14.07.1982	QLKT-2017-2	7.000.000	
127	537721	Nguyễn Thị Hồng Nhung	14.04.1991	QLKT-2017-2	7.000.000	

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
128	537722	Đỗ Đức Ninh	21.04.1976	QLKT-2017-2	7.000.000	
129	537723	Vũ Thị Ninh	15.12.1991	QLKT-2017-2	7.000.000	
130	537724	Phạm Thị Oanh	12.06.1981	QLKT-2017-2	7.000.000	
131	537726	Nguyễn Thị Phương	20.11.1988	QLKT-2017-2	7.000.000	
132	537728	Trịnh Thị Phương	22.09.1983	QLKT-2017-2	7.000.000	
133	537729	Vũ Chí Phương	21.02.1978	QLKT-2017-2	7.000.000	
134	537730	Vũ Đình Phương	20.11.1978	QLKT-2017-2	7.000.000	
135	537731	Nguyễn Thị Hồng Phương	19.06.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
136	537732	Phạm Tiến Quảng	26.02.1988	QLKT-2017-2	7.000.000	
137	537733	Nguyễn Đức Quốc	22.02.1970	QLKT-2017-2	7.000.000	
138	537734	Đỗ Thị Ngọc Quý	18.07.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
139	537735	Nguyễn Đức Quyết	08.07.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
140	537736	Lê Thúy Quỳnh	04.11.1985	QLKT-2017-2	7.000.000	
141	537737	Vũ Trúc Quỳnh	12.09.1994	QLKT-2017-2	7.000.000	
142	537738	Đinh Văn Sinh	14.11.1981	QLKT-2017-2	7.000.000	
143	537739	Trần Hoàng Sơn	10.12.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
144	537740	Nguyễn Văn Tài	04.01.1982	QLKT-2017-2	7.000.000	
145	537741	Lê Đức Tâm	10.08.1980	QLKT-2017-2	7.000.000	
146	537742	Trần Nam Tấn	15.07.1983	QLKT-2017-2	7.000.000	
147	537743	Kim Mạnh Thắng	04.08.1986	QLKT-2017-2	7.000.000	
148	537744	Phạm Cao Thắng	28.10.1988	QLKT-2017-2	7.000.000	
149	537745	Nguyễn Thị Phương Thanh	08.10.1980	QLKT-2017-2	7.000.000	
150	537746	Phạm Thị Phương Thanh	21.03.1991	QLKT-2017-2	7.000.000	
151	537747	Vũ Ngọc Thành	03.08.1983	QLKT-2017-2	7.000.000	
152	537748	Đoàn Thị Phương Thảo	05.03.1994	QLKT-2017-2	7.000.000	
153	537749	Vũ Thị Phương Thảo	10.12.1984	QLKT-2017-2	7.000.000	
154	537750	Đoàn Hải Thơ	08.09.1987	QLKT-2017-2	7.000.000	
155	537751	Phùng Thị Kim Thoa	10.06.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
156	537752	Bùi Thị Minh Thu	24.09.1988	QLKT-2017-2	7.000.000	
157	537753	Nguyễn Minh Thu	09.09.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
158	537754	Nguyễn Ngọc Thu	25.07.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
159	537755	Nguyễn Thị Thu	29.07.1988	QLKT-2017-2	7.000.000	
160	537756	Phạm Thị Kim Thu	09.08.1984	QLKT-2017-2	7.000.000	
161	537758	Phạm Văn Thuận	15.09.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
162	537759	Bùi Minh Thương	06.03.1986	QLKT-2017-2	7.000.000	
163	537760	Vũ Thị Thương	19.07.1985	QLKT-2017-2	7.000.000	
164	537761	Phạm Thị Thúy	29.08.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
165	537762	Vũ Thanh Thùy	02.09.1978	QLKT-2017-2	7.000.000	
166	537763	Vũ Minh Tiến	24.04.1975	QLKT-2017-2	7.000.000	
167	537764	Nguyễn Huy Toàn	21.04.1982	QLKT-2017-2	7.000.000	
168	537765	Bùi Thị Thu Trang	24.03.1994	QLKT-2017-2	7.000.000	
169	537766	Giang Thảo Trang	04.01.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
170	537767	Lâm Thị Thanh Trang	22.01.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
171	537768	Lê Thị Quỳnh Trang	18.07.1994	QLKT-2017-2	7.000.000	

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
172	537769	Nguyễn Minh Trang	21.01.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
173	537770	Phạm Thu Trang	20.03.1986	QLKT-2017-2	7.000.000	
174	537771	Võ Quỳnh Trang	20.01.1995	QLKT-2017-2	7.000.000	
175	537772	Vũ Thị Trang	11.12.1985	QLKT-2017-2	7.000.000	
176	537773	Trần Văn Trường	08.12.1974	QLKT-2017-2	7.000.000	
177	537774	Hà Thanh Tùng	05.07.1992	QLKT-2017-2	7.000.000	
178	537775	Lê Thanh Tùng	02.11.1987	QLKT-2017-2	7.000.000	
179	537776	Ngô Quang Tùng	02.04.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
180	537777	Nguyễn Duy Tùng	27.05.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
181	537778	Tô Văn Tùng	30.03.1988	QLKT-2017-2	7.000.000	
182	537779	Vũ Sơn Tùng	23.12.1991	QLKT-2017-2	7.000.000	
183	537780	Vũ Thanh Tùng	12.03.1987	QLKT-2017-2	7.000.000	
184	537781	Hà Thị Tuyết	20.08.1990	QLKT-2017-2	7.000.000	
185	537782	Lê Ánh Tuyết	09.01.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
186	537783	Đào Thu Vân	12.10.1984	QLKT-2017-2	7.000.000	
187	537784	Quách Thị Vân	12.09.1973	QLKT-2017-2	7.000.000	
188	537785	Vũ Thị Anh Vân	14.04.1986	QLKT-2017-2	7.000.000	
189	537786	Đặng Thanh Việt	25.12.1977	QLKT-2017-2	7.000.000	
190	537787	Nguyễn Hoàng Việt	15.12.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
191	537788	Phạm Xuân Vũ	13.10.1989	QLKT-2017-2	7.000.000	
192	537789	Nguyễn Thị Yên	09.05.1993	QLKT-2017-2	7.000.000	
193	537582	Hoàng Thế Toàn	29.12.1983	TCQLVT-2017-2	7.000.000	
194	537583	Vũ Anh Tuấn	08.01.1985	TCQLVT-2017-2	7.000.000	
195	537584	Lương Trung Hiếu	10.02.1992	TĐH-2017-2	7.000.000	
196	537585	Nguyễn Trọng Phú	25.05.1976	TĐH-2017-2	7.000.000	
197	537591	Hoàng Văn Đạt	28.03.1988	XDCTT-2017-2	7.000.000	
198	537592	Nguyễn Duy Hưng	12.12.1988	XDCTT-2017-2	7.000.000	
199	537593	Phạm Thanh Tùng	19.09.1991	XDCTT-2017-2	7.000.000	
200	537594	Lưu Vạn Vinh	03.12.1990	XDCTT-2017-2	7.000.000	
Tổng cộng					1.400.000.000	

Hải phòng, ngày 31 tháng 5 năm 2019

Người lập



Phạm Huyền Châm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC PHẢI NỘP HỌC PHÍ HỌC KÌ I NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo công văn số: *656* ngày *31* tháng *05* năm 2019)

Khóa 2018-1

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
1	537790	Nguyễn Ngọc Anh	10.08.1985	BĐAT-2018-1	7.000.000	
2	537791	Nguyễn Thanh Liêm	13.01.1984	BĐAT-2018-1	7.000.000	
3	537792	Thái Anh Minh	17.08.1974	BĐAT-2018-1	7.000.000	
4	537793	Nguyễn Công Toàn	27.06.1993	BĐAT-2018-1	7.000.000	
5	537794	Nguyễn Đức Trung	01.10.1993	BĐAT-2018-1	7.000.000	
6	537795	Nguyễn Thành Công	05.08.1985	CNTT-2018-1	7.000.000	
7	537796	Bùi Mạnh Thái	10.08.1990	CNTT-2018-1	7.000.000	
8	537797	Trần Văn Thành	29.08.1994	CNTT-2018-1	7.000.000	
9	537798	Nguyễn Gia Trí	03.12.1982	CNTT-2018-1	7.000.000	
10	537800	Vũ Hồng Dương	11.03.1987	KTBT-2018-1	7.000.000	
11	537801	Phạm Văn Bình	24.01.1981	KTMT-2018-1	7.000.000	
12	537802	Đinh Thị Du	11.07.1991	KTMT-2018-1	7.000.000	
13	537803	Nguyễn Thu Hiền	25.11.1994	KTMT-2018-1	7.000.000	
14	537804	Nguyễn Thị Thanh Hòa	22.11.1983	KTMT-2018-1	7.000.000	
15	537805	Nguyễn Thị Huế	09.03.1982	KTMT-2018-1	7.000.000	
16	537806	Trần Thị Thu Huyền	05.12.1981	KTMT-2018-1	7.000.000	
17	537807	Ngô Phú Kha	17.07.1977	KTMT-2018-1	7.000.000	
18	537808	Vũ Thị Thanh Loan	13.12.1985	KTMT-2018-1	7.000.000	
19	537809	Đinh Vũ Ngọc Minh	20.07.1995	KTMT-2018-1	7.000.000	
20	537810	Nguyễn Thị Thanh Minh	05.04.1985	KTMT-2018-1	7.000.000	
21	537811	Nguyễn Thị Nương	24.10.1994	KTMT-2018-1	7.000.000	
22	537815	Phạm Lê Thịnh	06.02.1995	KTMT-2018-1	7.000.000	
23	537812	Khổng Minh Tiến	04.09.1973	KTMT-2018-1	7.000.000	
24	537813	Nguyễn Mạnh Tuấn	05.10.1981	KTMT-2018-1	7.000.000	
25	537814	Lê Trọng Tuấn	13.09.1983	KTMT-2018-1	7.000.000	
26	537816	Phạm Thị Xuân	04.02.1994	KTMT-2018-1	7.000.000	
27	537818	Nguyễn Quỳnh Anh	10.11.1990	QLKT-2018-1	7.000.000	
28	537865	Nguyễn Thị Vân Anh	20.07.1993	QLKT-2018-1	7.000.000	
29	537874	Nguyễn Thị Thúy Bình	09.03.1981	QLKT-2018-1	7.000.000	
30	537866	Vũ Thị Chi	23.03.1990	QLKT-2018-1	7.000.000	
31	537838	Đào Đức Chiến	27.09.1982	QLKT-2018-1	7.000.000	
32	537918	Hoàng Tuấn Cường	28.11.1991	QLKT-2018-1	7.000.000	
33	537878	Lê Việt Cường	15.01.1978	QLKT-2018-1	7.000.000	
34	537898	Đỗ Thanh Dân	27.02.1980	QLKT-2018-1	7.000.000	
35	537923	Đinh Công Danh	04.10.1979	QLKT-2018-1	7.000.000	
36	537879	Nguyễn Quốc Doanh	01.07.1990	QLKT-2018-1	7.000.000	
37	537872	Lưu Đức Dương	18.08.1980	QLKT-2018-1	7.000.000	
38	537903	Cù Tiến Đạt	20.11.1994	QLKT-2018-1	7.000.000	
39	537887	Nguyễn Ngọc Hà	25.11.1995	QLKT-2018-1	7.000.000	

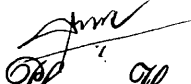
STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
40	537861	Phạm Thanh Hà	12.04.1991	QLKT-2018-1	7.000.000	
41	537899	Phạm Thị Hà	26.07.1982	QLKT-2018-1	7.000.000	
42	537819	Phạm Thị Thu Hà	24.08.1994	QLKT-2018-1	7.000.000	
43	537862	Phan Thị Đông Hà	08.10.1982	QLKT-2018-1	7.000.000	
44	537880	Phạm Quang Hải	13.10.1972	QLKT-2018-1	7.000.000	
45	537822	Đặng Thị Minh Hằng	05.08.1987	QLKT-2018-1	7.000.000	
46	537847	Phạm Thị Thu Hằng	10.07.1988	QLKT-2018-1	7.000.000	
47	537881	Đoàn Thị Hồng Hạnh	04.02.1978	QLKT-2018-1	7.000.000	
48	537828	Phạm Thị Hậu	05.09.1990	QLKT-2018-1	7.000.000	
49	537849	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	20.02.1994	QLKT-2018-1	7.000.000	
50	537830	Hoàng Mạnh Hiệp	05.10.1986	QLKT-2018-1	7.000.000	
51	537823	Quách Trọng Hiếu	18.08.1987	QLKT-2018-1	7.000.000	
52	537832	Trần Thị Mai Hoa	29.05.1980	QLKT-2018-1	7.000.000	
53	537839	Nguyễn Đức Hoàn	15.02.1972	QLKT-2018-1	7.000.000	
54	537890	Trần Việt Hoàn	12.11.1995	QLKT-2018-1	7.000.000	
55	537850	Đàm Hà Hoàng	26.09.1988	QLKT-2018-1	7.000.000	
56	537820	Phạm Minh Hoàng	20.10.1988	QLKT-2018-1	7.000.000	
57	537833	Nguyễn Thị Kim Hồng	15.08.1983	QLKT-2018-1	7.000.000	
58	537840	Lê Ngọc Hưng	15.08.1983	QLKT-2018-1	7.000.000	
59	537853	Nguyễn Thái Hưng	08.07.1974	QLKT-2018-1	7.000.000	
60	537924	Nguyễn Văn Hưng	10.10.1972	QLKT-2018-1	7.000.000	
61	537841	Dư Thị Hương	10.01.1989	QLKT-2018-1	7.000.000	
62	537824	Lê Thị Hương	03.03.1984	QLKT-2018-1	7.000.000	
63	537825	Trần Mai Hương	12.12.1984	QLKT-2018-1	7.000.000	
64	537817	Nguyễn Thị Thanh Huyền	09.02.1982	QLKT-2018-1	7.000.000	
65	537855	Nguyễn Thị Thanh Huyền	26.05.1986	QLKT-2018-1	7.000.000	
66	537906	Nguyễn Tuấn Khả	08.09.1983	QLKT-2018-1	7.000.000	
67	537891	Trần Quang Khải	06.06.1984	QLKT-2018-1	7.000.000	
68	537907	Phạm Quốc Khánh	26.09.1994	QLKT-2018-1	7.000.000	
69	537900	Lê Bùi Sơn Lâm	16.09.1995	QLKT-2018-1	7.000.000	
70	537915	Vũ Thị Hoàng Lan	27.11.1982	QLKT-2018-1	7.000.000	
71	537892	Hoàng Mạnh Linh	07.06.1990	QLKT-2018-1	7.000.000	
72	537919	Nguyễn Hoàng Ngọc Khánh Linh	19.09.1995	QLKT-2018-1	7.000.000	
73	537896	Nguyễn Khánh Linh	17.09.1993	QLKT-2018-1	7.000.000	
74	537882	Nguyễn Khánh Linh	27.03.1994	QLKT-2018-1	7.000.000	
75	537910	Nguyễn Quang Linh	17.09.1994	QLKT-2018-1	7.000.000	
76	537883	Nguyễn Thị Mỹ Linh	08.03.1993	QLKT-2018-1	7.000.000	
77	537875	Hoàng Văn Long	23.07.1983	QLKT-2018-1	7.000.000	
78	537904	Trần Thị Phương Mai	24.01.1981	QLKT-2018-1	7.000.000	
79	537916	Phan Thị Hồng Minh	29.10.1976	QLKT-2018-1	7.000.000	
80	537920	Đoàn Hồng Nam	25.08.1976	QLKT-2018-1	7.000.000	
81	537911	Vũ Đình Nam	09.08.1978	QLKT-2018-1	7.000.000	
82	537908	Phùng Quay Năm	01.06.1977	QLKT-2018-1	7.000.000	
83	537912	Mai Thị Hằng Nga	06.10.1992	QLKT-2018-1	7.000.000	

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
84	537893	Khổng Văn Nghĩa	02.06.1993	QLKT-2018-1	7.000.000	
85	537894	Đinh Thị Ngọc	31.10.1985	QLKT-2018-1	7.000.000	
86	537913	Trương Thị Thanh Nhân	09.12.1980	QLKT-2018-1	7.000.000	
87	537909	Lê Quang Nhật	13.09.1981	QLKT-2018-1	7.000.000	
88	537895	Vũ Thị Trang Nhung	10.01.1990	QLKT-2018-1	7.000.000	
89	537873	Trần Thị Oanh	27.09.1984	QLKT-2018-1	7.000.000	
90	537917	Trần Thị Kim Oanh	22.05.1982	QLKT-2018-1	7.000.000	
91	537867	Đoàn Đình Phi	29.04.1982	QLKT-2018-1	7.000.000	
92	537888	Triệu Phú	24.02.1988	QLKT-2018-1	7.000.000	
93	537921	Khổng Hữu Phước	27.02.1995	QLKT-2018-1	7.000.000	
94	537842	Nguyễn Đức Sơn	09.10.1984	QLKT-2018-1	7.000.000	
95	537851	Vũ Công Sơn	24.09.1993	QLKT-2018-1	7.000.000	
96	537897	Phùng Hữu Tâm	28.01.1985	QLKT-2018-1	7.000.000	
97	537856	Vũ Văn Thắng	07.07.1984	QLKT-2018-1	7.000.000	
98	537871	Ngô Thị Phương Thanh	05.12.1991	QLKT-2018-1	7.000.000	
99	537826	Nguyễn Thị Thanh	02.01.1979	QLKT-2018-1	7.000.000	
100	537884	Vũ Đức Thanh	11.06.1983	QLKT-2018-1	7.000.000	
101	537885	Vương Thị Kim Thanh	02.06.1992	QLKT-2018-1	7.000.000	
102	537821	Đào Thị Phương Thảo	12.07.1993	QLKT-2018-1	7.000.000	
103	537834	Hoàng Văn Thọ	22.08.1992	QLKT-2018-1	7.000.000	
104	537886	Lê Thị Thu	01.06.1978	QLKT-2018-1	7.000.000	
105	537901	Trần Hồng Thu	08.02.1986	QLKT-2018-1	7.000.000	
106	537827	Văn Thị Bích Thủy	13.11.1988	QLKT-2018-1	7.000.000	
107	537876	Trần Thị Thu Thủy	05.07.1981	QLKT-2018-1	7.000.000	
108	537835	Nguyễn Thế Tĩnh	19.05.1994	QLKT-2018-1	7.000.000	
109	537857	Đặng Nguyễn Quỳnh Trang	19.04.1992	QLKT-2018-1	7.000.000	
110	537858	Nguyễn Huyền Trang	26.12.1993	QLKT-2018-1	7.000.000	
111	537843	Nguyễn Thị Thu Trang	16.02.1985	QLKT-2018-1	7.000.000	
112	537844	Phạm Thị Thủy Trang	23.06.1993	QLKT-2018-1	7.000.000	
113	537889	Phan Thị Thu Trang	14.11.1991	QLKT-2018-1	7.000.000	
114	537845	Vũ Thị Thu Trang	10.02.1992	QLKT-2018-1	7.000.000	
115	537852	Nguyễn Thế Trung	29.10.1979	QLKT-2018-1	7.000.000	
116	537877	Bùi Sơn Trường	01.01.1984	QLKT-2018-1	7.000.000	
117	537829	Hoàng Tú	22.09.1994	QLKT-2018-1	7.000.000	
118	537836	Đoàn Văn Tuấn	05.03.1989	QLKT-2018-1	7.000.000	
119	537846	Nguyễn Quốc Tuấn	06.10.1987	QLKT-2018-1	7.000.000	
120	537859	Vũ Minh Tuấn	29.06.1990	QLKT-2018-1	7.000.000	
121	537860	Nguyễn Hữu Tùng	06.03.1982	QLKT-2018-1	7.000.000	
122	537863	Vũ Thanh Tùng	26.03.1986	QLKT-2018-1	7.000.000	
123	537869	Đoàn Thị Thủy Vân	12.03.1992	QLKT-2018-1	7.000.000	
124	537864	Nguyễn Hoàng Việt	29.08.1991	QLKT-2018-1	7.000.000	
125	537848	Lê Nguyễn Anh Vũ	18.03.1993	QLKT-2018-1	7.000.000	
126	537929	Trần Đức Anh	27.06.1993	TCQLVT-2018-1	7.000.000	
127	537928	Trịnh Quốc Hưng	24.02.1994	TCQLVT-2018-1	7.000.000	

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
128	537926	Phan Kiên Trung	31.10.1991	TCQLVT-2018-1	7.000.000	
129	537930	Ngô Việt Anh	23.03.1993	XDCT-2018-1	7.000.000	
130	537932	Phạm Việt Anh	08.07.1993	XDCT-2018-1	7.000.000	
131	537931	Trần Văn Bôn	05.05.1994	XDCT-2018-1	7.000.000	
132	537934	Nguyễn Mạnh Hoàn	06.06.1993	XDCT-2018-1	7.000.000	
133	537933	Lê Việt Thắng	25.06.1985	XDCT-2018-1	7.000.000	
Tổng cộng					931.000.000	

Hải phòng, ngày tháng năm 2019

Người lập


Phạm Huyền Châm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC PHẢI NỘP HỌC PHÍ HỌC KÌ I NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo công văn số: 636 ngày 31 tháng 5 năm 2019)

Khóa 2018-2

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
1	537956	Bùi Thị Linh Chi	02.09.1995	BĐATHH-2018-2	7.000.000	
2	537957	Nguyễn Thế Long	23.11.1988	BĐATHH-2018-2	7.000.000	
3	537958	Dương Văn Hùng	11.09.1978	CNTT-2018-2	7.000.000	
4	537959	Nguyễn Mai Sen	10.11.1995	CNTT-2018-2	7.000.000	
5	537960	Vũ Tất Cường	15.06.1994	ĐKTĐH-2018-2	7.000.000	
6	537961	Phạm Duy Dương	26.02.1986	KTMT-2018-2	7.000.000	
7	537962	Vũ Công Đức	25.09.1992	KTMT-2018-2	7.000.000	
8	537963	Phan Việt Hà	01.01.1979	KTMT-2018-2	7.000.000	
9	537964	Bùi Thị Huế	12.02.1985	KTMT-2018-2	7.000.000	
10	537965	Nguyễn Thị Thu	12.08.1995	KTMT-2018-2	7.000.000	
11	537966	Lưu Ngọc Sơn	17.08.1992	KTTT-2018-2	7.000.000	
12	537967	Hoàng Đức Lâm	07.01.1992	XDCTT-2018-2	7.000.000	
13	537968	Trần Đình Huy	07.09.1991	XDDDCN-2018-2	7.000.000	
14	537969	Phan Thế Linh	17.06.1979	XDDDCN-2018-2	7.000.000	
15	537970	Nguyễn Ngọc Hoàng	26.05.1984	KTBT TT-2018-2	7.000.000	
16	537971	Phạm Văn Sáng	25.07.1976	KTBT TT-2018-2	7.000.000	
17	537972	Lương Đức Thái	24.01.1983	KTBT TT-2018-2	7.000.000	
18	537973	Đỗ Trọng Hồng	29.10.1984	QLHH-2018-2	7.000.000	
19	537974	Hoàng Đình Huy	10.07.1982	QLHH-2018-2	7.000.000	
20	537975	Hoàng Xuân An	28.07.1974	QLKT-2018-2	7.000.000	
21	537976	Đinh Thị Quỳnh Anh	01.12.1996	QLKT-2018-2	7.000.000	
22	537977	Ngô Quốc Anh	24.11.1991	QLKT-2018-2	7.000.000	
23	537978	Nguyễn Hoàng Anh	06.06.1989	QLKT-2018-2	7.000.000	
24	537979	Vũ Thị Vân Anh	02.11.1995	QLKT-2018-2	7.000.000	
25	537980	Vũ Tuấn Anh	02.11.1985	QLKT-2018-2	7.000.000	
26	537981	Trần Văn Bào	20.08.1975	QLKT-2018-2	7.000.000	
27	537982	Đỗ Ngọc Bích	27.12.1991	QLKT-2018-2	7.000.000	
28	537983	Đinh Thị Hà Bình	08.12.1986	QLKT-2018-2	7.000.000	
29	537984	Nguyễn Thanh Bình	01.11.1996	QLKT-2018-2	7.000.000	
30	537985	Hoàng Cao	19.02.1993	QLKT-2018-2	7.000.000	
31	537986	Bùi Thị Phương Châm	03.08.1992	QLKT-2018-2	7.000.000	
32	537987	Bùi Thị Kim Cúc	13.12.1982	QLKT-2018-2	7.000.000	
33	537988	Phạm Hùng Cường	27.08.1980	QLKT-2018-2	7.000.000	
34	537989	Mai Văn Cường	08.09.1983	QLKT-2018-2	7.000.000	
35	537990	Nguyễn Thị Quỳnh Dung	27.12.1995	QLKT-2018-2	7.000.000	
36	537991	Nguyễn Minh Dũng	04.08.1988	QLKT-2018-2	7.000.000	
37	537992	Trần Tiến Dũng	20.08.1977	QLKT-2018-2	7.000.000	
38	537994	Nguyễn Thị Thùy Dương	07.05.1991	QLKT-2018-2	7.000.000	
39	537995	Nguyễn Thành Đạt	04.09.1995	QLKT-2018-2	7.000.000	

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
40	537996	Đỗ Văn Đức	05.12.1994	QLKT-2018-2	7.000.000	
41	537997	Lại Minh Đức	02.07.1989	QLKT-2018-2	7.000.000	
42	537998	Nguyễn Văn Đức	29.05.1981	QLKT-2018-2	7.000.000	
43	537999	Đinh Thị Linh Giang	27.04.1993	QLKT-2018-2	7.000.000	
44	538000	Đỗ Thị Thu Hà	25.09.1984	QLKT-2018-2	7.000.000	
45	538001	Lâm Thị Duy Hà	24.11.1988	QLKT-2018-2	7.000.000	
46	538002	Nguyễn Hải Hà	25.09.1973	QLKT-2018-2	7.000.000	
47	538003	Nguyễn Thị Thu Hà	06.11.1996	QLKT-2018-2	7.000.000	
48	538004	Nguyễn Thị Thu Hà	13.06.1993	QLKT-2018-2	7.000.000	
49	538005	Phạm Thị Thu Hà	01.05.1987	QLKT-2018-2	7.000.000	
50	538006	Phạm Thị Thu Hà	22.02.1991	QLKT-2018-2	7.000.000	
51	538007	Trịnh Thiên Hà	31.01.1980	QLKT-2018-2	7.000.000	
52	538008	Trương Việt Hải	01.08.1986	QLKT-2018-2	7.000.000	
53	538009	Đoàn Thị Thu Hằng	05.10.1987	QLKT-2018-2	7.000.000	
54	538010	Nguyễn Mỹ Hạnh	20.10.1995	QLKT-2018-2	7.000.000	
55	538011	Nguyễn Thị Mai Hạnh	28.03.1995	QLKT-2018-2	7.000.000	
56	538012	Lê Thanh Hào	06.04.1985	QLKT-2018-2	7.000.000	
57	538013	Đoàn Thị Thu Hiền	23.11.1992	QLKT-2018-2	7.000.000	
58	538014	Nguyễn Mạnh Hiếu	06.11.1994	QLKT-2018-2	7.000.000	
59	538015	Nguyễn Đình Hiệu	05.11.1985	QLKT-2018-2	7.000.000	
60	538016	Trần Thị Việt Hoa	18.05.1986	QLKT-2018-2	7.000.000	
61	538017	Vũ Thị Hoa	29.04.1984	QLKT-2018-2	7.000.000	
62	538018	Vì Thị Hòa	25.02.1977	QLKT-2018-2	7.000.000	
63	538019	Đỗ Đăng Hưng	10.06.1977	QLKT-2018-2	7.000.000	
64	538020	Nguyễn Duy Hưng	26.05.1987	QLKT-2018-2	7.000.000	
65	538021	Trần Tiến Hưng	29.09.1970	QLKT-2018-2	7.000.000	
66	538022	Nguyễn Minh Hương	01.01.1984	QLKT-2018-2	7.000.000	
67	538023	Nguyễn Thị Hương	23.07.1991	QLKT-2018-2	7.000.000	
68	538024	Phạm Thanh Hương	26.01.1987	QLKT-2018-2	7.000.000	
69	538025	Vũ Thị Thu Hương	26.05.1988	QLKT-2018-2	7.000.000	
70	538026	Lương Thị Thu Hường	17.03.1991	QLKT-2018-2	7.000.000	
71	538027	Đặng Quốc Huy	20.02.1987	QLKT-2018-2	7.000.000	
72	538028	Đặng Văn Huy	17.10.1986	QLKT-2018-2	7.000.000	
73	538029	Lê Tuấn Huy	17.11.1992	QLKT-2018-2	7.000.000	
74	538030	Nguyễn Quang Huy	22.12.1974	QLKT-2018-2	7.000.000	
75	538031	Trần Thị Thu Huyền	16.09.1994	QLKT-2018-2	7.000.000	
76	538032	Nguyễn Duy Khánh	24.02.1983	QLKT-2018-2	7.000.000	
77	538033	Đinh Trung Kiên	08.01.1989	QLKT-2018-2	7.000.000	
78	538034	Nguyễn Văn Kỳ	15.10.1988	QLKT-2018-2	7.000.000	
79	538035	Bùi Nguyên Tú Lệ	30.07.1996	QLKT-2018-2	7.000.000	
80	538036	Nguyễn Như Liêm	25.01.1985	QLKT-2018-2	7.000.000	
81	538037	Đỗ Trần Linh	02.09.1991	QLKT-2018-2	7.000.000	
82	538038	Nguyễn Mạnh Linh	04.09.1990	QLKT-2018-2	7.000.000	
83	538039	Nguyễn Thùy Linh	22.02.1995	QLKT-2018-2	7.000.000	

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
84	538040	Nguyễn Hoàng Long	28.11.1995	QLKT-2018-2	7.000.000	
85	538041	Vũ Hải Long	11.01.1982	QLKT-2018-2	7.000.000	
86	538042	Nguyễn Thị Luyến	11.08.1983	QLKT-2018-2	7.000.000	
87	538043	Bùi Ngọc Mai	08.11.1995	QLKT-2018-2	7.000.000	
88	538044	Lê Ngọc Minh	19.12.1994	QLKT-2018-2	7.000.000	
89	538045	Vũ Ngọc Minh	10.09.1984	QLKT-2018-2	7.000.000	
90	538046	Mai Duy Nam	19.08.1989	QLKT-2018-2	7.000.000	
91	538047	Hà Thúy Nga	10.06.1990	QLKT-2018-2	7.000.000	
92	538048	Nguyễn Thị Nga	04.03.1986	QLKT-2018-2	7.000.000	
93	538049	Phạm Văn Ngần	03.11.1979	QLKT-2018-2	7.000.000	
94	538050	Đỗ Thị Nghĩa	27.10.1981	QLKT-2018-2	7.000.000	
95	538051	Nguyễn Trọng Nghĩa	30.10.1996	QLKT-2018-2	7.000.000	
96	538052	Ngô Thị Bảo Ngọc	12.08.1993	QLKT-2018-2	7.000.000	
97	538053	Nguyễn Hải Ngọc	26.12.1989	QLKT-2018-2	7.000.000	
98	538054	Nguyễn Thị Mai Như	13.08.1987	QLKT-2018-2	7.000.000	
99	538055	Nguyễn Tổ Như	12.03.1995	QLKT-2018-2	7.000.000	
100	538056	Vũ Hải Ninh	08.04.1974	QLKT-2018-2	7.000.000	
101	538057	Trần Thị Kim Oanh	05.02.1988	QLKT-2018-2	7.000.000	
102	538058	Hoàng Phương	12.08.1971	QLKT-2018-2	7.000.000	
103	538059	Phạm Hữu Phương	21.04.1985	QLKT-2018-2	7.000.000	
104	538060	Vũ Thị Mai Phương	02.08.1994	QLKT-2018-2	7.000.000	
105	538061	Nguyễn Thị Hoài Phương	24.02.1992	QLKT-2018-2	7.000.000	
106	538062	Tô Ngọc Quân	20.08.1989	QLKT-2018-2	7.000.000	
107	538063	Nguyễn Minh Quang	08.01.1985	QLKT-2018-2	7.000.000	
108	538064	Vũ Viết Quảng	17.03.1989	QLKT-2018-2	7.000.000	
109	538065	Đinh Hữu Quý	20.12.1986	QLKT-2018-2	7.000.000	
110	538066	Đỗ Thị Lệ Quyên	26.07.1984	QLKT-2018-2	7.000.000	
111	538067	Phạm Thị Quyên	02.01.1988	QLKT-2018-2	7.000.000	
112	538068	Đinh Văn Quyền	18.12.1975	QLKT-2018-2	7.000.000	
113	538069	Hoàng Hồng Sơn	23.06.1993	QLKT-2018-2	7.000.000	
114	538070	Lê Hoàng Sơn	04.09.1994	QLKT-2018-2	7.000.000	
115	538071	Nguyễn Lương Sơn	20.11.1981	QLKT-2018-2	7.000.000	
116	538072	Hoàng Thị Thanh Tâm	28.04.1992	QLKT-2018-2	7.000.000	
117	538073	Trương Công Thành	21.12.1990	QLKT-2018-2	7.000.000	
118	538074	Tường Trung Thành	30.09.1990	QLKT-2018-2	7.000.000	
119	538075	Bùi Thị Thu Thảo	08.07.1994	QLKT-2018-2	7.000.000	
120	538076	Nguyễn Thị Phương Thảo	03.11.1994	QLKT-2018-2	7.000.000	
121	538077	Nguyễn Văn Thiện	16.10.1994	QLKT-2018-2	7.000.000	
122	538078	Phạm Đức Thiện	06.08.1981	QLKT-2018-2	7.000.000	
123	538079	Phan Thanh Thọ	08.10.1978	QLKT-2018-2	7.000.000	
124	538080	Lê Thị Thu	23.09.1982	QLKT-2018-2	7.000.000	
125	538081	Hà Thị Thuần	21.01.1972	QLKT-2018-2	7.000.000	
126	538082	Nguyễn Thị Thủy	10.08.1987	QLKT-2018-2	7.000.000	
127	538083	Nguyễn Trọng Tiến	20.11.1973	QLKT-2018-2	7.000.000	

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Ghi chú
128	538084	Ngô Thanh Toàn	13.02.1991	QLKT-2018-2	7.000.000	
129	538085	Nguyễn Thị Thanh Trang	23.01.1987	QLKT-2018-2	7.000.000	
130	538086	Trần Huyền Trang	14.07.1989	QLKT-2018-2	7.000.000	
131	538087	Trần Thị Thu Trang	20.12.1984	QLKT-2018-2	7.000.000	
132	538088	Mạc Văn Trung	27.05.1989	QLKT-2018-2	7.000.000	
133	538089	Nguyễn Thành Trung	16.02.1987	QLKT-2018-2	7.000.000	
134	538090	Nguyễn Toàn Trung	23.10.1991	QLKT-2018-2	7.000.000	
135	538091	Phạm Đức Trung	02.07.1987	QLKT-2018-2	7.000.000	
136	538092	Nguyễn Thanh Quang Tú	15.04.1995	QLKT-2018-2	7.000.000	
137	538093	Nguyễn Thị Cẩm Tú	29.11.1996	QLKT-2018-2	7.000.000	
138	538094	Hoàng Minh Tuấn	05.10.1991	QLKT-2018-2	7.000.000	
139	538095	Nguyễn Đăng Tuấn	01.03.1974	QLKT-2018-2	7.000.000	
140	538096	Nguyễn Hữu Tuấn	16.10.1982	QLKT-2018-2	7.000.000	
141	538097	Nguyễn Văn Tuấn	19.07.1986	QLKT-2018-2	7.000.000	
142	538098	Phạm Văn Tuấn	02.10.1984	QLKT-2018-2	7.000.000	
143	538099	Tô Văn Tuấn	03.10.1993	QLKT-2018-2	7.000.000	
144	538100	Vũ Minh Tuấn	24.06.1994	QLKT-2018-2	7.000.000	
145	538101	Đào Vương Tùng	26.04.1991	QLKT-2018-2	7.000.000	
146	538102	Đoàn Thanh Tùng	19.06.1989	QLKT-2018-2	7.000.000	
147	538103	Nguyễn Bá Tuyên	05.07.1972	QLKT-2018-2	7.000.000	
148	538104	Đoàn Thị Kim Tuyên	04.12.1989	QLKT-2018-2	7.000.000	
149	538105	Phạm Thị Tuyên	14.10.1984	QLKT-2018-2	7.000.000	
150	538106	Phạm Hoàng Việt	06.03.1992	QLKT-2018-2	7.000.000	
151	538107	Tô Quốc Việt	21.04.1975	QLKT-2018-2	7.000.000	
152	538109	Trịnh Thị Ngọc Yến	21.09.1991	QLKT-2018-2	7.000.000	
153	538110	Khoa Năng Ý	16.10.1990	QLKT-2018-2	7.000.000	
154	538111	Nguyễn Bình Dương	25.02.1975	TCQLVT-2018-2	7.000.000	
155	538112	Mai Hữu Hùng	28.06.1975	TCQLVT-2018-2	7.000.000	
156	538113	Nguyễn Đình Tùng	06.10.1991	TCQLVT-2018-2	7.000.000	
Tổng cộng					1.092.000.000	

Hải phòng, ngày 31 tháng 5 năm 2019

Người lập

Phạm Huyền Châm